

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2019/DS-ST**
Ngày: 24-9-2019
v/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Sơn;

2. Lưu Trọng Kim.

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2019/TLST- DS, ngày 18/6/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2019/QĐXXST-DS ngày 26/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2019/QĐST-DS ngày 12/9/2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Kim Th**, sinh năm 1990. Có mặt.

Trú tại: Số 102 đường MP- Đa Kai, thôn 3, xã MP, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông **Phan Văn Đ**, sinh năm 1960. Vắng mặt; bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1961. Vắng mặt; bà **Phan Thị Thùy T**, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Trú tại: Cụm Công nghiệp MP, thôn 6, xã MP, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Hồ Trường G**, sinh năm 1989. Có mặt.

Trú tại: Số 102 đường MP- Đa Kai, thôn 3, xã MP, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2019, bản khai, tại phiên hòa hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày: Từ chỗ quen biết với bà Phan Thị Thùy T là con của ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim L. Do đó bà T hay giới thiệu cho ông Đ, bà L vay tiền của bà Th. Bà Th cho ông Đ, bà L, bà T vay tiền gồm rất nhiều lần, mỗi lần vay với số tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; khi vay ông Đ, bà L, bà T đều trả lãi. Đến năm 2018, thì còn nợ bà Th số tiền 170.000.000 đồng. Do không chịu trả nợ nên bà Th khởi kiện ông Đ, bà L và bà T ra Tòa án. Sau đó ông Đ, bà L, bà T viết lại giấy nợ cho bà Th và hẹn đến tháng 3/2019 sẽ trả hết nợ gốc và nợ lãi 2%/tháng, nên bà Th rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên từ ngày viết lại giấy nợ (ngày 25/10/2018) đến nay ông Đ, bà L, bà T mới trả được 15.000.000 đồng tiền gốc. Đồng thời bà Th có mua gạo, cám cho ông Đ, bà L với số tiền 13.000.000 đồng để trừ nợ. Nay bà Th yêu cầu ông Đ, bà L, bà T phải trả số tiền nợ còn lại là 142.000.000 đồng và tiền lãi 1,5%/tháng từ ngày 01/4/2019 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là Giấy mượn tiền do bà L viết, có chữ ký của bà L, bà T.

-Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông hồ Trường G trình bày: Thống nhất theo ý kiến của vợ là Nguyễn Thị Kim Th.

Do ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Phan Thị Thùy T không đến Tòa án tham gia hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông Đ, bà L, bà T. Sau khi lập biên bản họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Tòa

án có thông báo cho ông Đ, bà L, bà T biết về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng ông Đ, bà L, bà T không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Phan Thị Thùy T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt họ.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Việc xác lập quan vay tài sản, của hai bên từ năm 2018, nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn phải trả số tiền vay 142.000.000 đồng là đầy đủ chứng cứ. Vì nguyên đơn có đưa ra chứng cứ thể hiện ngày 25/10/2018, vợ chồng ông Đ, bà L vay của bà Th số tiền 170.000.000, trong giấy này có cam kết trả lãi và trả gốc đến tháng 3/2019 thì xong. Tuy nhiên do ông Đ, L không chịu trả nợ cho bà Th theo cam kết, mà chỉ trả được 15.000.000 đồng và bà Th có trừ nợ 13.000.000 đồng tiền mua gạo, cám, nên chỉ yêu cầu số tiền 142.000.000 đồng là phù hợp và có lợi cho bị đơn. Do đó buộc ông Đ, bà L, bà T trả nợ cho vợ chồng bà Th là phù hợp Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi bà Th yêu cầu tính từ ngày 01/4/2019 đến nay, với mức lãi đã thỏa thuận 1,5%/tháng là phù hợp nên chấp nhận, bà Th khai khi vay hai bên thỏa thuận mức lãi 2%/tháng, và trong giấy vay thể hiện hạn trả cuối cùng là tháng 3/2019, nên bà Th yêu cầu mức lãi 1,5%/tháng từ ngày 01/4/2019 cho đến nay là

phù hợp khoản 5 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Cụ thể tiền lãi phải trả, từ ngày 01/4/2019 đến nay là 5 tháng 23 ngày. Số tiền lãi là:

$142.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times (5 + \frac{23}{30}) = 12.283.000 \text{ đồng}$. Đồng thời các bị đơn tiếp tục chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2019) cho đến khi thi hành xong số nợ gốc.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật..

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim L và bà Phan Thị Thùy T cùng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Hồ Trường G số tiền 154.283.000 (một trăm năm mươi bốn triệu hai trăm tám mươi ba ngàn đồng), gồm tiền gốc 142.000.000 đồng và tiền lãi 12.283.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim L và bà Phan Thị Thùy T phải chịu 7.714.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim Th 3.817.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025411 ngày 18/6/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 24/9/2019. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

VKSND huyện;

-THADS huyện;

-Các đương sự;

-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái